

Số: 53/2026/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật có sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật;

Xét Tờ trình số 14073/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật có sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra số 386/BC-VHXXH ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật có sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

2. Các nội dung chi, mức chi, việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Điều 2. Mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính chất phổ biến về hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật

1. Mức chi công tác phí trong nước, chi tổ chức hội nghị, hội thảo: áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

2. Mức chi công tác phí nước ngoài

a) Mức chi mua vé máy bay: áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đối với các trường hợp không quy định tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND thì áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Mức chi thanh toán theo hóa đơn thực tế.

b) Các mức chi khác áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Mức chi dịch thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc tế

a) Mức chi dịch thuật: áp dụng mức chi theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

b) Mức chi tiếp khách trong nước và quốc tế, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Lâm Đồng: áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng.

4. Mức chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Điều 3. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi biên soạn bản đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương làm căn cứ xét duyệt để đưa vào kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 1.400.000 đồng/01 bản đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức chi xét duyệt đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ lập kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thành viên: 560.000 đồng/người/buổi.

3. Mức chi phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương

a) Mức chi soạn thảo kế hoạch phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 1.600.000 đồng/kế hoạch được duyệt.

b) Mức chi tổ chức các hoạt động phổ biến quy chuẩn kỹ thuật địa phương, bao gồm cả việc tổ chức các cuộc thi, hội thi: áp dụng mức chi tương tự được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của HĐND tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật, mối nguy và mức độ rủi ro nhằm xác định phương thức, biện pháp quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật:

a) Mức chi mua mẫu, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu, vật tư, hóa chất để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có), giá niêm yết hoặc báo giá liên quan.

b) Đối với việc lấy mẫu nhỏ lẻ trên nhiều địa bàn (nếu có), tiền công lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: 400.000 đồng/ngày công.

c) Trường hợp đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật có chức năng, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tự thực hiện hoạt động phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử: việc xác định hao phí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ phân tích, khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc áp dụng thử làm căn cứ lập dự toán được xác định theo mức khấu hao tài sản được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành, phần kinh phí tương ứng với chi phí hao phí tài sản được quyết toán và trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nếu đơn vị chủ trì là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc trích lập Quỹ đầu tư phát triển nếu đơn vị chủ trì là tổ chức ngoài công lập theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính và quy định pháp luật có liên quan.

d) Tiền công phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn báo cáo kết quả phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc áp dụng thử; biên soạn thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật; biên soạn thuyết minh đề nghị bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật; lập báo cáo kết quả thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định: 800.000 đồng/ngày công. Căn cứ tính chất, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và yêu cầu về chất lượng sản phẩm, đơn vị chủ trì xác định số ngày công làm cơ sở tính thù lao cho các thành viên tham gia; việc xác định phải gắn với nội dung công việc và sản phẩm cụ thể, có thuyết minh rõ căn cứ; kết quả xác định được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Trường hợp thuê dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử: được xác định theo giá niêm yết hoặc báo giá của nhà cung cấp.

2. Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đơn ngành, lĩnh vực, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (nếu có): 32.000.000 đồng/01 dự thảo.

3. Tiền công biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật liên ngành, bao gồm cả biên soạn khung nội dung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (nếu có): 200% mức chi tại khoản 2 Điều này.

4. Tiền công biên soạn dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: 60% mức chi được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật:

a) Mức chi đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: 8.000.000 đồng/01 báo cáo; chi đánh giá tác động của dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: 4.800.000 đồng/01 báo cáo.

b) Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật có tính liên ngành, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc gây phát sinh chi phí tuân thủ lớn cho doanh nghiệp, cơ quan chủ trì soạn thảo được thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực hiện đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đấu thầu.

6. Mức chi tổ chức các cuộc họp tổ soạn thảo, hội thảo chuyên đề, hội thảo tham vấn, góp ý đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 400.000 đồng/người/buổi.

7. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học 560.000 đồng/01 phiếu ý kiến; chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý: 1.600.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

8. Mức chi dịch dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật từ tiếng Việt sang tiếng Anh để gửi lấy ý kiến các nước thành viên WTO: 240.000 đồng/trang A4.

9. Mức chi tổ chức lấy ý kiến của các nước thành viên WTO đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: gửi lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến nhận được và trả lời ý kiến (nếu có): 400.000 đồng cho một kết quả trả lời được nước thành viên gửi ý kiến chấp thuận.

10. Mức chi họp Hội đồng thẩm định quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật:

a) Chủ tịch Hội đồng: 1.400.000 đồng/buổi; Thành viên: 1.200.000 đồng/người/buổi;

b) Chi lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên vắng mặt tại cuộc họp thẩm định: 800.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

11. Mức chi đăng tải hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật lấy ý kiến rộng rãi; kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật trên cổng thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 800.000 đồng/01 hồ sơ/01 nơi đăng tải.

Điều 5. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về đánh giá hiệu quả áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

1. Mức chi lấy ý kiến chuyên gia: 400.000 đồng/01 phiếu ý kiến đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2. Mức chi hội thảo chuyên đề góp ý: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu: 240.000 đồng/người/buổi.

3. Tiền công lập báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả quy chuẩn kỹ thuật địa phương: 4.000.000 đồng/01 báo cáo.

Điều 6. Mức chi thực hiện nội dung chuyên môn về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố

1. Mức chi đánh giá thực trạng; nghiên cứu các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có) để xác định các chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu quản lý của dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 56% của mức chi nội dung tương tự được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư 23/2026/TT-BKHCN.

2. Tiền công biên soạn dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và thuyết minh dự thảo: 16.000.000 đồng/01 dự thảo tiêu chuẩn kèm thuyết minh.

3. Mức chi hội thảo chuyên đề, hội thảo góp ý hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: Chủ trì: 800.000 đồng/buổi; Thư ký: 400.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 160.000 đồng/người/buổi.

4. Mức chi xin ý kiến chuyên gia đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 400.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

5. Mức chi tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý đối với dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: 800.000 đồng/bảng tổng hợp.

6. Mức chi thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở: nếu thẩm tra theo phương pháp hội đồng thì áp dụng mức chi cho thành viên hội đồng bằng 56% mức chi đối với thành viên họp hội đồng thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia tương ứng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Thông tư số 23/2026/TT-BKHCN; nếu thẩm tra theo phương pháp chuyên gia thì mức chi là 800.000 đồng/01 phiếu thẩm tra.

Điều 7. Mức chi thực hiện hoạt động chuyên môn về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

1. Mức chi thuê ngoài nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất triển khai thực hiện các cam kết về hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp (STRACAP), bao gồm:

a) Mức chi lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động các vấn đề triển khai cam kết TBT/STRACAP trong các hiệp định thương mại tự do (FTA): 4.000.000 đồng/báo cáo.

b) Mức chi họp tham vấn phân tích, đánh giá tác động với các biện pháp TBT của các nước liên quan tới cảnh báo xuất khẩu, các vấn đề triển khai cam kết

TBT/STRACAP trong các FTA: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 240.000 đồng/người/buổi.

2. Mức chi bảo đảm hoạt động của các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại địa phương, bao gồm:

a) Tiền công lập báo cáo phân tích, đánh giá tác động của dự thảo biện pháp TBT lên xuất khẩu của địa phương nhằm phục vụ cảnh báo sớm cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý: 8.000.000 đồng/báo cáo.

b) Tiền công lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất nêu quan ngại thương mại của địa phương với các biện pháp TBT của nước ngoài ảnh hưởng tới xuất khẩu của địa phương: 8.000.000 đồng/báo cáo.

c) Tiền công lập báo cáo nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất phương án xử lý quan ngại thương mại của các nước thành viên WTO đối với các biện pháp TBT của Việt Nam: 8.000.000 đồng/báo cáo.

d) Mức chi họp tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội và chuyên gia về các quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT: Chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi; Thư ký: 560.000 đồng/buổi; Đại biểu tham dự: 240.000 đồng/người/buổi.

đ) Mức chi họp định kỳ, đột xuất của Ban liên ngành: Trưởng ban: 1.200.000 đồng/buổi; Thành viên, thư ký: 800.000 đồng/người/buổi; Đại biểu: 240.000 đồng/người/buổi; báo cáo tham luận: 1.600.000 đồng/báo cáo.

e) Mức chi lấy ý kiến thành viên Ban liên ngành, chuyên gia về các vấn đề TBT và các quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT: 800.000 đồng/01 phiếu ý kiến.

3. Công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị chủ trì khi được giao thực hiện nhiệm vụ phân tích, đánh giá tác động các vấn đề TBT và quan ngại thương mại đối với các biện pháp TBT không được áp dụng mức chi tiền công quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Dự toán chi hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày hiệu lực của Nghị quyết này thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được duyệt.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung